

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GPMT-SoNNMT

Đồng Nai, ngày 11 tháng 11 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 775/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường giải quyết một số thủ tục hành chính trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Hộ kinh doanh Phạm Văn Phú số 04/CV-PVP ngày 12 tháng 8 năm 2025, Văn bản số 02/CV-PYP ngày 07 tháng 10 năm 2025 và Văn bản số 03/CV-PYP ngày 29 tháng 10 năm 2025 về việc giải trình việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án “Trang trại chăn nuôi heo thịt, quy mô 3.000 con/lứa”;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Hộ kinh doanh Phạm Văn Phú, địa chỉ tại tổ 3, khu dân cư 1, ấp 4, xã Định Quán, tỉnh Đồng Nai được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Trang trại chăn nuôi heo thịt, quy mô 3.000 con/lứa” có địa chỉ tại ấp Hòa Hiệp, xã Định Quán, tỉnh Đồng Nai với các nội dung sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Trang trại chăn nuôi heo thịt, quy mô 3.000 con/lứa.

1.2. Địa điểm hoạt động: ấp Hòa Hiệp, xã Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, mã số đăng ký hộ kinh doanh: 070082003510 do Phòng Kinh tế - UBND xã Định Quán cấp đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2024, thay đổi lần thứ 01 ngày 15 tháng 9 năm 2025.

1.4. Mã số thuế: 070082003510.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Chăn nuôi heo thịt.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Tổng diện tích: 14.157,5 m².

- Nhóm dự án (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): nhóm C.

- Dự án đầu tư thuộc nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

- Công suất thiết kế: Trang trại chăn nuôi heo thịt, quy mô 3.000 con/lứa.

- Quy trình công nghệ sản xuất:

+ Quy trình chăn nuôi heo thịt: Heo con (03-05 tuần tuổi) → Nuôi dưỡng, chăm sóc (04-4,5 tháng đạt 90-100 kg) → Heo đạt trọng lượng → Xuất chuồng;

+ Quy trình chăm sóc heo bệnh như sau:

- Heo bệnh thông thường → Chuyển xuống khu cách ly, chăm sóc và điều trị bệnh → Khỏi bệnh đưa về chuồng;

- Heo nghi mắc bệnh, heo bệnh do dịch → Phối hợp với cơ quan chức năng xử lý theo quy định → Khử trùng.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Hộ kinh doanh Phạm Văn Phú:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Hộ kinh doanh Phạm Văn Phú có trách nhiệm:

- Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các

công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

- Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc tái sử dụng nước thải sau xử lý, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

- Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (*từ ngày 11 tháng 11 năm 2025 đến ngày 11 tháng 11 năm 2035*).

Điều 4. Giao Phòng Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để báo cáo);
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Hộ kinh doanh Phạm Văn Phú (để thực hiện);
- UBND xã Định Quán;
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Đồng Nai (Phòng Quản lý Công thông tin điện tử) (đăng tải);
- Trung tâm Công nghệ thông tin (đăng tải);
- Lưu: VT, MT. Thư (02b).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Trọng Toàn

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-SoNNMT ngày 11 tháng 11 năm 2025
của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

Nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án (gồm nước thải chăn nuôi, nước sát trùng, nước thải sinh hoạt (sau bể tự hoại), nước rỉ phân, nước vệ sinh máy ép phân) được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án với công suất 60 m³/ngày để xử lý đạt QCVN 62:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi, cột A. Nước thải sau xử lý được lưu chứa trong 02 hồ sinh học 1&2 (thể tích 1.000 m³/hồ) có lót bạt HDPE chống thấm, sau đó tuần hoàn, tái sử dụng toàn bộ cho các hoạt động của trang trại (vệ sinh chuồng trại và đội nhà vệ sinh), không xả thải ra ngoài môi trường. Do đó dự án không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh được thu gom bằng đường ống PVC D90 về bể tự hoại, sau đó theo đường ống PVC D168 dài 70m về mương thu gom nước thải chăn nuôi dẫn về hệ thống xử lý nước thải của dự án công suất 60 m³/ngày.đêm để xử lý.

- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi (vệ sinh chuồng trại, vệ sinh thiết bị chuồng trại) được thu gom bằng mương B300, B600 dài 660m được bố trí dọc theo các dãy chuồng (mỗi dãy chuồng có 15 hố ga) rồi tiếp tục theo cống BTLT D600 đưa về hệ thống xử lý nước thải, công suất 60 m³/ngày.đêm để xử lý.

- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ nhà chứa phân (nước rỉ phân) được thu gom bằng đường ống PVC D90 dài 3m dẫn về hệ thống xử lý nước thải của dự án công suất 60 m³/ngày.đêm để xử lý.

- Nguồn số 04: Nước thải phát sinh từ hoạt động vệ sinh máy ép phân được thu gom bằng đường ống PVC D90 dài 10m đưa về hệ thống xử lý nước thải, công suất 60 m³/ngày.đêm để xử lý.

- Nguồn số 05: Nước sát trùng xe thải bỏ sẽ được bơm vào 01 thùng nhựa có thể tích 90 lít bằng máy bơm (cũng có thể mức bằng tay vào thùng khi máy bơm không sử dụng được). Sau đó công nhân sẽ vận chuyển thùng chứa nước sát trùng thải bỏ về khu vực hệ thống xử lý nước thải và bơm lên cụm bể sinh học để xử lý. Tần suất thay mới nước sát trùng tại hố dự kiến 1 lần/tuần.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý: Nước thải → Hàm biogas → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể dinh học thiếu khí → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng bùn → Bể khử trùng → 02 hồ sinh học 1&2 (đạt QCVN 62:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi, cột A → Tuần hoàn, tái sử dụng toàn bộ cho các hoạt động của trang trại (vệ sinh chuồng trại và đội nhà vệ sinh), không xả thải ra ngoài môi trường).

- Công suất thiết kế: 60 m³/ngày.

- Hóa chất sử dụng: PAC, Polymer, NaOH, Chlorine (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Bố trí cán bộ được đào tạo, chuyển giao kỹ thuật vận hành công trình xử lý nước thải, ứng phó sự cố để vận hành, theo dõi, giám sát liên tục quá trình vận hành và có nhật ký vận hành công trình xử lý nước thải ghi nhận các thông tin về lưu lượng nước thải, lượng điện tiêu thụ, hóa chất sử dụng, lượng bùn thải để kịp thời nhận biết hiệu quả và nguy cơ có thể xảy ra sự cố.

- Vận hành công trình xử lý nước thải theo đúng quy trình; thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng các máy móc thiết bị trong công trình xử lý nước thải theo đúng hướng dẫn vận hành của nhà cung cấp nhằm đảm bảo các thiết bị, máy móc hoạt động ổn định.

- Các máy bơm, thiết bị quan trọng được trang bị 01 bộ dự phòng cho công trình xử lý như máy bơm, bơm định lượng để không làm gián đoạn quá trình xử lý khi một thiết bị hư hỏng.

- Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn. Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của công trình xử lý nước thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với công trình xử lý nước thải.

- Đối với trường hợp hệ thống xử lý nước thải có sự cố nghiêm trọng, chưa thể khắc phục ngay, sẽ tạm dừng sản xuất để khắc phục sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng (kể từ tháng 11/2026 đến tháng 04/2027).

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

- Vị trí lấy mẫu:

+ Tại đầu vào hệ thống xử lý nước thải. Tọa độ vị trí: X = 1242398; Y = 452498 (theo hệ VN2000, kinh tuyến trực 107°45', múi chiếu 3°).

+ Tại đầu ra hệ thống xử lý nước thải. Tọa độ vị trí: X = 1242398; Y = 452493 (theo hệ VN2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, vĩ chiều 3°).

- Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành, Chủ dự án phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại QCVN 62:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi, cột A.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Việc sử dụng nước thải sau xử lý để phục vụ tái sử dụng cho vệ sinh chuồng trại và dội nhà vệ sinh phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường. Có biện pháp kiểm soát chất lượng nước thải sau xử lý phải đạt quy chuẩn yêu cầu trước khi trước khi tái sử dụng; công khai, minh bạch các đường ống thu gom, tái sử dụng nước thải sau xử lý; kiểm soát và theo dõi chặt chẽ lưu lượng nước thải sau xử lý và lượng nước sạch sử dụng; lưu giữ số liệu tại dự án và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, thoát nước thải theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đấu nối hệ thống thoát nước mưa theo đúng quy định của pháp luật.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên kiểm tra các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải; đảm bảo không xả trực tiếp ra môi trường.

3.4. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải. Theo dõi, kiểm soát hóa chất, điện năng, vật liệu sử dụng trong vận hành hệ thống xử lý nước thải đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật trong xử lý nước thải của dự án.

3.5. Chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu xả nước thải ra môi trường không đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

Phụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-SoNNMT ngày 11 tháng 11 năm 2025
của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn:

- Nguồn số 01: Khu vực sau quạt hút chuồng nuôi số 1;
- Nguồn số 02: Khu vực sau quạt hút chuồng nuôi số 2;
- Nguồn số 03: Khu vực hệ thống xử lý nước thải;
- Nguồn số 04: Khu vực máy phát điện dự phòng;

2. Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

2.2. Độ rung: không phát sinh.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng (tra dầu, mỡ, vệ sinh) đảm bảo động cơ hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn; trang bị các nút tai cho công nhân vận hành trong các khu vực có phát sinh tiếng ồn cao; tăng cường các quá trình điều khiển tự động để giảm số lượng công nhân làm việc trực tiếp tại nơi có tác nhân gây ồn rung.

1.2. Giới hạn tốc độ di chuyển trong khu vực dự án để hạn chế tiếng ồn, hạn chế bóp còi trong khu vực dự án.

1.3. Bố trí vành đai cây xanh bao quanh khuôn viên cũng góp phần giảm thiểu tiếng ồn phát tán ra khu vực xung quanh.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn.

Phụ lục 3**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-SoNNMT ngày 11 tháng 11 năm 2025
của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	NH	150
2	Pin, ắc qui chì thải	19 06 01	NH	15
3	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 02 01	NH	150
4	Các loại dầu nhớt thải	17 02 01	NH	50
Tổng khối lượng				365

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Bao bì mềm thải: bao bì thuốc thú y, hóa chất	18 01 01	KS	300
2	Bao bì cứng thải: chai lọ thuốc thú y	18 01 03	KS	500
3	Bao bì cứng thải bằng các vật liệu khác như chai lọ thuốc Vaccin bằng thủy tinh	18 01 04	KS	250
4	Bao bì cứng thải bằng kim loại (bơm tiêm bằng kim loại)	18 01 02	KS	250
5	Hóa chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại (Các hóa chất, thuốc thú y, sát trùng hết thời hạn,...)	13 02 02	KS	500
6	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chứa nêi tại các mã khác), giẻ lau vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	KS	200
7	Bùn từ HTXL nước thải	12 06 05	KS	48.180
Tổng khối lượng				50.180

1.3. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Thiết bị chăn nuôi hỏng (bao bì đựng cám, máng ăn, nùm uống, chất thải nhựa, tấm đan, bạt phủ chống thấm...)	1.825

2	Bùn từ bể tự hoại	766,5
3	Hộp mực in thải (mực in văn phòng)	10
4	Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ	50
Tổng khối lượng		2.651,5

1.4. Khối lượng phụ phẩm chăn nuôi phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Phân heo	2.190.000
2	Bùn từ hầm biogas	78.803,5
3	Heo chết không do dịch bệnh	10.428,6
Tổng khối lượng		2.279.232,1

1.5. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (Tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt nhóm thực phẩm	1,28
2	Chất thải rắn sinh hoạt nhóm tái chế	0,37
3	Chất thải rắn sinh hoạt còn lại	0,18
Tổng khối lượng		1,825

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải phải kiểm soát và chất thải nguy hại:

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

- Khu vực lưu giữ: 01 khu vực

- Diện tích khu lưu giữ: 23 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu lưu giữ: Kết cấu tường, mái lợp tôn, nền bê-tông. Xung quanh kho chứa chất thải nguy hại có gờ cao 10cm. Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại được gắn biển dấu hiệu cảnh báo nguy hiểm, bố trí vật liệu hấp thụ và thiết bị phòng cháy chữa cháy theo quy định.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1 Kho lưu chứa chất thải rắn thông thường:

- Khu vực lưu giữ: 01 khu vực.

- Diện tích: 25 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: nhà chứa bằng bê tông, có mái che, nền bê tông, có gắn bảng tên các loại chất thải lưu chứa.

2.2.2. Kho chứa phân:

- Diện tích kho lưu chứa: 48 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: nhà chứa bằng bê tông, có mái che, nền bê

tông, có gắn bảng tên các loại chất thải lưu chứa.

2.2.3. Hồ hủy xác heo chết không do dịch bệnh:

- Diện tích hồ hủy: 50 m².

- Thiết kế, cấu tạo hồ hủy xác: kết cấu hồ được xây dựng bằng gạch chịu nhiệt bao quanh, có nắp đậy kín, đáy bê tông cốt thép, chống thấm.

2.4. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: bố trí các thùng nhựa dung tích 20-120 lít, 660 lít có nắp đậy kín (các thùng chứa được lót bên trong bằng túi nylon để tiện thu gom) đặt tại nơi phát sinh như: nhà vệ sinh, nhà nghỉ công nhân.

3. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

- Các thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT) để có biện pháp quản lý phù hợp.

- Bố trí thiết bị, phương tiện để phân loại tại nguồn, thu gom chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với khối lượng, phân loại chất thải phát sinh theo quy định của pháp luật.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022 NĐ-CP của Chính phủ.

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-SoNNMT ngày 11 tháng 11 năm 2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Chủ dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ hoàn công công trình xử lý chất thải; công trình xây dựng của dự án.

2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường; công khai giấy phép môi trường. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật. Cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

3. Có biện pháp kiểm soát chất lượng nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án phải đảm bảo đạt quy chuẩn trước khi tái sử dụng tại Phụ lục 1. Tuyệt đối không xả nước thải ra môi trường tiếp nhận; minh bạch các đường ống thu gom và tái sử dụng nước thải trong khuôn viên dự án, vị trí đầu nổi nước mưa của dự án; lưu giữ số liệu tại dự án và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm.

4. Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu.

5. Có kế hoạch tổ chức thực hiện về nhân lực, kinh phí, trang thiết bị, phương án đảm bảo phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường khi có sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của dự án; đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh môi trường; có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động và các quy định pháp luật có liên quan khác trong quá trình hoạt động của dự án.

6. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường dự án được duy trì, vận hành hiệu quả.

7. Trong quá trình hoạt động nếu dự án có xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến các cơ quan có liên quan. Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra sự cố, rủi ro trong quá trình thực hiện.

8. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.